

UBND XÃ TUẦN GIÁO

TRƯỜNG TIỂU HỌC SỐ 1 TUẦN GIÁO

BẢNG THANH TOÁN CHÈNH LỆCH PHỤ CẤP ƯU ĐÃI TỪ THÁNG 01 ĐẾN THÁNG 06 NĂM 2026 THEO NĐ 182/2026

TT	Họ Và Tên	HS TNN	TNV K	HSL	Hệ số CV	Hệ số VK	Chênh lệch ưu đãi 10%+ 20% từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 MLCS 2.340.000đ	Số tháng	Tổng cộng CK	Ghi chú
1	Đặng Thị Hòa	27%		5,36	0,50		1.371.240	6	8.227.440	
2	Nguyễn T Kim Nhung	28%		5,36	0,40		1.347.840	6	8.087.040	
3	Lò Thị Hiền	15%		4,34	0,40		1.109.160	2,5	2.772.900	Đi biệt phái trường TH số 2 Quài Nưa từ 15/02/2026 đến 31/05/2026
		15%		4,34	0,25		1.074.060	3,5	3.759.210	
4	Bùi Thị Thơ	29%	7%	4,98	0,20	0,35	1.293.692	6	7.762.154	
5	Hồ Thị Làn	32%		5,36			1.254.240	6	7.525.440	
6	Phan Thị Nam	27%		5,02			1.174.680	2	2.349.360	Nâng lương từ 01/03/2026
		27%		5,36			1.254.240	4	5.016.960	
7	Nguyễn Thị Lược	28%		5,02			1.174.680	6	7.048.080	
8	Nguyễn Thị Liên	27%		5,36			1.254.240	6	7.525.440	
9	Bạc Cẩm Thiên	26%		5,36			1.254.240	6	7.525.440	
10	Bùi Thị Hà	26%		5,02			1.174.680	2	2.349.360	Nâng lương từ 01/03/2026
		26%		5,36			1.254.240	4	5.016.960	
11	Đào Thanh Huyền	26%		5,36			1.254.240	6	7.525.440	
12	Đặng Kim Hải	27%	6%	4,98	0,20	0,30	1.282.039	6	7.692.235	Nâng TNVK từ 01/01/2026
13	Phạm Thị Thảo	27%		5,02	0,20		1.221.480	6	7.328.880	
14	Bùi Thị Mây	22%		4,68			1.095.120	6	6.570.720	
15	Quảng Thị Ngọc	22%		4,34	0,20		1.062.360	3	2.655.900	Nâng hạng từ 15/03/2026
		22%		4,68	0,20		1.141.920	4	3.996.720	
16	Phan Thị Phương	22%		4,34			1.015.560	4	4.062.240	Nâng lương từ 01/05/2026
		22%		4,68			1.095.120	2	2.190.240	
17	Dương Ngô Tiến	21%		4,32			1.010.880	6	6.065.280	
18	Đàm Quang Giang	20%		4,34			1.015.560	6	6.093.360	
19	Hoàng Minh Trang	19%		3,99			933.660	6	5.601.960	
20	Trần Anh Tuấn	18%		4,00			936.000	6	5.616.000	
21	Ngô Thị Dịu	14%		3,99			933.660	6	5.601.960	Nâng lương từ 01/01/2026
22	Đinh Thị Hậu	5%		3,66			856.440	6	5.138.640	
23	Phạm Thị Hoài	13%		4,34			1.015.560	6	6.093.360	
24	Trần Thị Dung	18%		4,34			1.015.560	6	6.093.360	
25	Hoàng Thị Liên	30%	7%	4,98		0,35	1.246.892	2	2.493.785	Nâng TNVK từ 01/03/2026
		30%	8%	4,98		0,40	1.258.546	4	5.034.182	
26	Lò Thị Phương	16%		4,00			936.000	6	5.616.000	
27	Nguyễn Thị Hằng	22%		4,68	0,20		1.141.920	6	6.851.520	
28	Quảng Văn Thân	15%		4,34			1.015.560	6	6.093.360	

TT	Họ Và Tên	HS TNN	TNV K	HSL	Hệ số CV	Hệ số VK	Chênh lệch ưu đãi 10%+ 20% từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 MLCS 2.340.000đ	Số tháng	Tổng cộng CK	Ghi chú
29	Nguyễn Văn Huy	37%	9%	4,89		0,44	1.247.243	1	1.247.243	
		37%	10%	4,89		0,49	1.258.686	5	6.293.430	Nâng TNVK từ 01/02/2026
30	NguyễnThị Thảo	30%		5,36			1.254.240	6	7.525.440	
31	Vũ Thị Thanh Loan	31%	8%	4,98		0,40	1.258.546	6	7.551.274	Nâng TNVK từ 01/01/2026
32	Lò Thị Nhung	7%		2,67			624.780	6	3.748.680	
33	Quảng Văn Cường	11%		3,00			702.000	6	4.212.000	
34	Nguyễn Thị Lan Anh			3,99	0,20		1.960.920	6	11.765.520	
35	Nguyễn Phương Dung			3,66			1.712.880	6	10.277.280	Nâng lương từ 01/01/2026
36	Tòng Thị Dung			3,46			1.619.280	6	9.715.680	
37	Trần T Việt Anh			3,26			1.525.680	6	9.154.080	
Tổng Cộng							51.639.565	222	260.871.554	

Tuần Giáo, ngày 26 tháng 08 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán



Nguyễn Thị Lan Anh



Đặng Thị Hoà